

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 6 - 2019

V/v“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thanh;

2. Bà Vũ Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trường -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2019,giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Văn Q, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2019, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Vũ Văn Q tự nguyện tìm hiểu nhau khoảng 03 năm, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 02/02/1996.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Q có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên không quan tâm đến gia đình, bà H đã nhiều lần khuyên nhủ ông Q nhưng ông Q không thay đổi dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên có lời qua, tiếng lại với nhau. Ngoài ra, ông Q thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm bên ngoài, khi về nhà thì đối xử không tốt với bà H. Từ năm 2016 đến nay, bà H và ông Q tuy sống chung nhà nhưng

ông Q không quan tâm, chăm sóc gì cho bà H nên đến tháng 3 năm 2017, bà đã chuyển về sống với cha mẹ ruột.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chồng là ông Vũ Văn Q.

Về con chung: Khi ly hôn bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/10/2003. Đối với con chung tên Vũ Thị Quỳnh M, sinh năm 1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2019 và trong quá trình tố tụng bà H yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Thị Quỳnh A số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, ngày 20/6/2019, bà H nộp đơn thay đổi yêu cầu không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Thị Quỳnh A.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thể trực tiếp tổng đạt các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo triệu tập bị đơn đến tham gia phiên tòa sơ thẩm) cho bị đơn ông Vũ Văn Q do ông Vũ Văn Q thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú vào ban ngày hoặc được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập tham gia tố tụng nhưng ông Q từ chối không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại biên bản xác minh địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ngày 24/4/2019 (BL 39), Công an xã Đất C, huyện B cho biết: Ông Vũ Văn Q có đăng ký thường trú tại Tổ 2, ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương, hiện tại ông Q vẫn đang sinh sống, cư trú tại địa phương. Căn cứ Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng nói trên cho bị đơn ông Vũ Văn Q bằng hình thức niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ và tại nơi cư trú của bị đơn ông Vũ Văn Q (*Tổ 2, ấp T, xã Đ, huyện B*). Đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng bị đơn ông Vũ Văn Q không có văn bản chấp nhận hay phản đối hoặc có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thông báo lý do vắng mặt.

Tại văn bản ngày 09/5/2019 (BL số 41), cháu Vũ Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/10/2003 có nguyện vọng muốn bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong trường hợp cha, mẹ ly hôn.

Qua xác minh trình trạng hôn nhân tại nơi vợ chồng bà H và ông Q thường xuyên sinh sống được chính quyền địa phương xác định không rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông Q. Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng vì là mâu thuẫn nội bộ và vợ chồng tự giải quyết không nhờ đến chính quyền can thiệp, giúp đỡ, hòa giải.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn ông Vũ Văn Q đã được Tòa án tổng đạt các Thông báo tố tụng hợp lệ thông qua hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú, UBND xã Đ và trụ sở Tòa án

nhưng cố tình vắng mặt không nêu rõ lý do. Do vậy, việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Vũ Văn Q là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm của Viện Kiểm sát đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng. Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị bị đơn không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Vũ Thị Quỳnh A là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Vũ Văn Q hiện đang cư trú, sinh sống trên địa bàn huyện B nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Vũ Văn Q thường xuyên có nơi cư trú tại Tổ 2, ấp T, xã Đ, huyện B nhưng không có mặt ở nhà thường xuyên nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho bị đơn, xét thấy, việc bị đơn từ chối nhận văn bản do Tòa án cấp, tổng đạt. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được văn bản tố tụng cho bị đơn với sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ và tiến hành thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm) tại nơi cư trú của bị đơn (nhà riêng), trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên nhưng bị đơn là ông Vũ Văn Q không đến Tòa án tham gia tố tụng theo Thông báo của Tòa án và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đồng ý hay phản đối yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của nguyên đơn. Ông Q cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Vũ Văn Q là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị H và ông Vũ Văn Q là hôn nhân hợp pháp, tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Ng, tỉnh Na.

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong suốt thời gian chung sống (*Kể từ năm 2012 đến nay*) nguyên nhân do ông Q có quan hệ với người phụ nữ khác và vợ chồng có thái độ cư xử không tốt với nhau, lời qua tiếng lại thường xuyên dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng tự quyết định sống riêng, mỗi người một nơi, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bỏ mặc nhau nên không thể hòa giải trở về đoàn tụ, sống chung. Bà H mong muốn Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Q để được tự do làm ăn, sinh sống, nuôi con. Ông Q không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng không có ý kiến bằng văn bản phản đối yêu

cầu khởi kiện, phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù ông Q vẫn biết bà H làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Do vậy có đủ cơ sở xác định bị đơn ông Q không mong muốn hòa giải để trở về đoàn tụ gia đình. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay ông Q vẫn đang sinh sống và cư trú tại ấp T, xã Đ nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải cho thấy ông Q cũng không còn thiện chí đoàn tụ và từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều không ai mong muốn trở về đoàn tụ để tiếp tục sống chung nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn với ông Vũ Văn Q là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy, cháu Vũ Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/10/2003, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu Quỳnh A đã trên 07 tuổi, qua làm việc trực tiếp với cháu Quỳnh A tại Tòa án có sự chứng kiến của bà H, cháu Quỳnh A có nguyện vọng mong muốn được trực tiếp sống với mẹ nếu cha, mẹ ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án quyết định giao cháu Quỳnh A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi. Đối với cháu Vũ Thị Quỳnh M, sinh năm 1996 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện và quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà H yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh A số tiền 5.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên ngày 20/6/2019, bà H có đơn thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Thị Quỳnh A, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn bà Nguyễn Thị H đối với ông Vũ Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Vũ Văn Q.
2. Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con:

Đối với cháu Vũ Thị Quỳnh M, sinh năm 1996 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Vũ Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/10/2003, ông Quý không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Vũ Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông Q lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Q.

Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một hoặc cả hai đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ hết vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Hồng đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0030502 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

5. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã N, huyện Ng, tỉnh Na;
- UBND xã Đ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng